

**CỤC THỐNG KÊ  
THỐNG KÊ TỈNH KHÁNH HÒA**

Số: /TKT-NNXH

“Về việc thông báo địa bàn được  
chọn mẫu Khảo sát mức sống dân cư  
năm 2026 của tỉnh Khánh Hòa”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Khánh Hòa, ngày tháng 01 năm 2026

Kính gửi:

- Thống kê cơ sở thuộc Thống kê tỉnh;
- UBND xã, phường có địa bàn mẫu  
được chọn khảo sát mức sống dân cư năm 2026.

Thực hiện Quyết định số 905/QĐ-CTK ngày 10/7/2025 của Cục trưởng Cục Thống kê về việc ban hành Phương án Khảo sát mức sống dân cư Việt Nam (KSMS); Quyết định số 1408/QĐ-CTK ngày 31/12/2025 về việc ban hành Kế hoạch và hướng dẫn thực hiện Phương án. KSMS nhằm thu thập thông tin để biên soạn chỉ tiêu quốc gia về mức sống dân cư; đánh giá thực trạng đời sống dân cư; đo lường nghèo, phân hóa giàu nghèo trong cộng đồng dân cư. Do vậy, Thống kê tỉnh Khánh Hòa đã tiến hành rà soát danh sách các địa bàn khảo sát mức sống dân cư trên phạm vi toàn tỉnh và thông báo danh sách các địa bàn mẫu được chọn khảo sát mức sống dân cư năm 2026 theo phụ lục đính kèm.

KSMS năm 2026 trên địa bàn toàn tỉnh Khánh Hòa có 60 địa bàn đóng trên địa phận 44 xã, phường; khảo sát được tiến hành trong 04 kỳ vào các tháng 2, 5, 8, và 11 năm 2026; thời gian thu thập thông tin tại địa bàn mỗi kỳ là 25 ngày (từ ngày 01 đến ngày 25).

Thống kê cơ sở có trách nhiệm tổ chức triển khai Khảo sát mức sống dân cư năm 2026 theo kế hoạch tại các xã, phường được chọn thuộc phạm vi mình phụ trách; đồng thời, thông báo cụ thể địa bàn, kỳ khảo sát đến lãnh đạo các xã, phường để phối hợp thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, NNXH.

**KT. TRƯỞNG THỐNG KÊ  
PHÓ TRƯỞNG THỐNG KÊ**

**Lê Trung Viên**

***Phụ lục: Danh sách các địa bàn được chọn Khảo sát mức sống năm 2026.***

| STT | Tên xã/phường        | Mã địa<br>bàn | Tên địa bàn                 | Kỳ<br>khảo sát |
|-----|----------------------|---------------|-----------------------------|----------------|
| 1   | Phường Bắc Nha Trang | 11            | Tổ dân phố 8                | 1              |
|     |                      | 36            | Tổ dân phố Võ Tánh 2        | 2              |
|     |                      | 63            | Tổ Trường Phúc 1            | 3              |
| 2   | Phường Nha Trang     | 06            | Tổ dân phố 6                | 4              |
|     |                      | 29            | Tổ dân phố 2 Kiến Thiết     | 1              |
|     |                      | 53            | Tổ dân phố Bạch Đằng        | 2              |
| 3   | Phường Tây Nha Trang | 02            | TDP Xuân Lạc 1              | 3              |
|     |                      | 26            | TDP Phú Vinh 2_002          | 4              |
|     |                      | 48            | TDP Vĩnh Diêm Thượng_002    | 1              |
|     |                      | 74            | TDP Tổ 12 Vĩnh Hội_001      | 2              |
| 4   | Phường Nam Nha Trang | 19            | Tổ dân phố 4 Phước Toàn Tây | 3              |
|     |                      | 43            | Tổ dân phố 1 Phước Tín      | 4              |
|     |                      | 65            | Tổ dân phố Phước Sơn        | 1              |
| 5   | Phường Bắc Cam Ranh  | 04            | Quảng Hoà_001               | 2              |
|     |                      | 29            | TDP Hoà Do 6A_002           | 3              |
| 6   | Phường Cam Ranh      | 23            | TDP Lộc Thành_002           | 4              |
| 7   | Phường Cam Linh      | 02            | Thuận Lộc                   | 1              |
| 8   | Xã Nam Cam Ranh      | 11            | Sông Cạn Đông               | 1              |
| 9   | Phường Ninh Hòa      | 03            | TDP Văn Định                | 2              |
|     |                      | 34            | TDP 16                      | 3              |
| 10  | Xã Bắc Ninh Hòa      | 24            | Thôn 3                      | 4              |
| 11  | Xã Hòa Trí           | 18            | Thôn Đại Mỹ                 | 1              |
| 12  | Phường Đông Ninh Hòa | 17            | TDP Phú Thọ 3_002           | 2              |
| 13  | Xã Tân Định          | 23            | Thôn Thạch Thành_002        | 3              |
| 14  | Phường Hòa Thắng     | 13            | TDP Mỹ Trạch_002            | 4              |
| 15  | Xã Nam Ninh Hòa      | 23            | Thôn Phú Đa                 | 1              |
| 16  | Xã Vạn Ninh          | 17            | Thôn 08                     | 2              |
| 17  | Xã Tu Bông           | 10            | Thôn Hải Triều_001          | 3              |
| 18  | Xã Vạn Thắng         | 02            | Thôn Tứ Chánh               | 4              |
| 19  | Xã Vạn Hưng          | 09            | Thôn Hà Già                 | 1              |

| STT                        | Tên xã/phường     | Mã địa<br>bản | Tên địa bản               | Kỳ<br>khảo sát |
|----------------------------|-------------------|---------------|---------------------------|----------------|
| 20                         | Xã Cam Lâm        | 13            | Thôn Nghĩa Đông           | 2              |
|                            |                   | 39            | Thôn Bãi Giếng_001        | 3              |
|                            |                   | 64            | Thôn Tân Thành_002        | 4              |
| 21                         | Xã Suối Dầu       | 07            | Thôn Tân Xương 2_002      | 3              |
| 22                         | Xã Đông Khánh Sơn | 09            | Thôn Ma O                 | 4              |
| 23                         | Xã Tây Khánh Vĩnh | 04            | Thôn Suối Cát             | 2              |
| 24                         | Xã Diên Khánh     | 18            | Thôn Phước Trạch_001      | 3              |
| 25                         | Xã Diên Điền      | 14            | Thôn Tây 3_002            | 4              |
| 26                         | Xã Diên Thọ       | 01            | Thôn Phước Tuy 1_001      | 1              |
| 27                         | Xã Diên Lạc       | 16            | Thôn Phú Khánh Thượng_002 | 2              |
| 28                         | Phường Đô Vinh    | 19            | Tổ dân phố Lương Cang 1   | 1              |
| 29                         | Phường Bảo An     | 18            | Tổ dân phố 10             | 2              |
| 30                         | Phường Phan Rang  | 05            | Tổ dân phố 4              | 3              |
|                            |                   | 29            | Tổ dân phố 21             | 4              |
| 31                         | Phường Đông Hải   | 02            | Tổ dân phố 2              | 1              |
|                            |                   | 25            | Tổ dân phố 21_001         | 2              |
| 32                         | Phường Ninh Chữ   | 13            | Khu phố 11                | 2              |
| 33                         | Xã Vĩnh Hải       | 11            | Thôn Mỹ Tân 1_001         | 3              |
| 34                         | Xã Thuận Bắc      | 08            | Thôn Suối Đá_002          | 4              |
| 35                         | Xã Ninh Hải       | 16            | Thôn Bình Nghĩa_001       | 1              |
| 36                         | Xã Xuân Hải       | 20            | Thôn An Xuân 2            | 2              |
| 37                         | Xã Ninh Phước     | 16            | Thôn 12_002               | 3              |
|                            |                   | 40            | Thôn Từ Tâm 2_002         | 4              |
| 38                         | Xã Phước Hậu      | 19            | Thôn Chắt thường_001      | 1              |
| 39                         | Xã Phước Dinh     | 17            | Thôn An Thạnh 2_002       | 2              |
| 40                         | Xã Phước Hữu      | 19            | Thôn Như Ngọc             | 3              |
| 41                         | Xã Cà Ná          | 06            | Thôn Lạc Tân 3_002        | 4              |
| 42                         | Xã Ninh Sơn       | 01            | Thôn 1                    | 3              |
| 43                         | Lã Lâm Sơn        | 07            | Thôn Gòn 2                | 4              |
| 44                         | Xã Anh Dũng       | 02            | Thôn Hà Dài               | 1              |
| <b>Tổng số: 60 Địa bản</b> |                   |               |                           |                |